



Original Article

Priority Action Areas of Education for Sustainable Development in Vietnam's Policies

Le Anh Vinh, Nguyen Thu Ha*, Bui Thi Dien

*Vietnam Education Strategy and Policy Institute,
101 Tran Hung Dao, Cua Nam Ward, Hanoi, Vietnam*

Received 16th July 2025

Revised 15th August 2026; Accepted 19th August 2026

Abstract: The Global Action Program was launched following the United Nations Decade of Education for Sustainable Development (2005-2014) to ensure education's contribution to the post-2015 Sustainable Development Agenda. It focuses on generating and scaling up Education for Sustainable Development (ESD) actions at all levels and across all education sectors and sustainable development fields. The program prioritizes five action areas: advancing policy, transforming learning environments, building capacities of educators, empowering and mobilizing youth and accelerating local level actions. This necessitates countries worldwide to consider and strategize on ESD policies and their practical implementation. This article examines Vietnam's prioritization of these five ESD areas in policies, identifying strengths and areas needing improvement in the context of Vietnam. It contributes evidence on ESD policies and practices in Vietnam, contextualizing the concept of ESD in developing countries as a basis for proposing suitable ESD roadmap and initiatives for Vietnam.

Keywords: Policies; five priority action areas, ESD, Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: hant@vnies.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5163>

Các lĩnh vực ưu tiên của giáo dục vì sự phát triển bền vững trong chính sách ở Việt Nam

Lê Anh Vinh, Nguyễn Thu Hà*, Bùi Thị Diễm

*Viện Chiến lược và Chính sách giáo dục,
101 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 7 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 8 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 8 năm 2026

Tóm tắt: Chương trình Hành động toàn cầu được ra đời tiếp nối Thập kỷ Giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (2005-2014) nhằm đảm bảo sự đóng góp của giáo dục cho Chương trình nghị sự sau 2015, tập trung vào việc tạo ra và nhân rộng hành động ESD ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực giáo dục và trong tất cả các lĩnh vực phát triển bền vững, trong đó ưu tiên 5 lĩnh vực hành động: tăng cường chính sách, chuyển đổi môi trường học tập, bồi dưỡng năng lực nhà giáo, trao quyền và huy động cho thế hệ trẻ, và thúc đẩy các giải pháp ở cấp độ địa phương. Điều đó đòi hỏi các quốc gia trên thế giới cần xem xét và tư duy về các chính sách cũng như việc thực hiện các chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thực tiễn. Bài báo này nhằm xem xét 5 lĩnh vực ưu tiên của giáo dục vì sự phát triển bền vững trong chính sách ở Việt Nam, từ đó xác định các điểm mạnh và khoảng trống cần cải thiện trong chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh Việt Nam. Bài viết này đóng góp vào việc cung cấp những minh chứng về chính sách và thực tiễn về giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam nhằm bối cảnh hoá khái niệm giáo dục vì sự phát triển bền vững ở các nước đang phát triển làm cơ sở để đề xuất những lộ trình và sáng kiến giáo dục vì sự phát triển bền vững phù hợp cho Việt Nam.

Từ khóa: chính sách, năm lĩnh vực ưu tiên, giáo dục vì sự phát triển bền vững, Việt Nam.

1. Mở đầu

Giáo dục vì sự phát triển bền vững (Education for Sustainable Development - ESD) đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia từ nhiều khía cạnh khác nhau. ESD là nền tảng quan trọng để xây dựng một xã hội công bằng, thịnh vượng và hoà bình [1]. ESD đã và đang nhận được sự ủng hộ ở quy mô toàn cầu về mặt chính trị thông qua các Chương trình của Liên Hợp Quốc và chính sách của các quốc gia. ESD được công nhận vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện để đạt được tất cả các mục tiêu của phát triển bền vững (PTBV) [1]. Tiếp nối Thập kỷ ESD của Liên Hiệp Quốc

(2005-2014), Chương trình Hành động Toàn cầu (Global Action Programme - GAP) đã được ban hành nhằm thúc đẩy ESD trên thế giới, nhằm đảm bảo sự đóng góp của giáo dục cho Chương trình Nghị sự sau 2015 [1], tập trung vào việc tạo ra và nhân rộng hành động ESD ở mọi cấp độ mọi lĩnh vực giáo dục và trong tất cả các lĩnh vực PTBV, trong đó ưu tiên 5 lĩnh vực hành động: tăng cường chính sách, chuyển đổi môi trường học tập, bồi dưỡng năng lực nhà giáo, trao quyền và huy động cho thế hệ trẻ, và thúc đẩy hành động ở địa phương. Điều đó đòi hỏi các quốc gia trên thế giới cần xem xét và tư duy về các chính sách cũng như việc thực hiện các chính sách ESD trong thực tiễn [1]. Điều này, đồng nghĩa với việc các quốc gia trên thế giới cần xem xét và tư duy lại về các chính sách cũng như việc thực hiện các chính sách ESD trong thực tiễn. Bởi lẽ, việc thiết lập các chính

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hant@vnies.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5163>

sách và khuôn khổ của ESD không chỉ cung cấp một tuyên bố rộng rãi về mục đích mà còn đưa ra các nhiệm vụ, chỉ thị, khuyến khích và hỗ trợ cho việc thực hiện ESD, tạo ra không gian cần thiết cho các bên liên quan hành động. Nghiên cứu học thuật về ESD hiện nay nhấn mạnh vào sự đa dạng của các chính sách và khuôn khổ liên quan đến ESD hiện nay và chỉ ra thực tế rằng sự thích ứng của địa phương có vai trò rất quan trọng trong mô hình của ESD [2, 3]. Trong đó, Việt Nam là một trường hợp điển hình.

Tại Việt Nam, Chính phủ đã xác định ESD là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện PTBV [4] (tr. 39). Điều này được quán triệt thống nhất trong nhiều chủ trương, chiến lược và kế hoạch của Đảng và Nhà nước cũng như các Bộ, ngành và địa phương, trong hai thập kỷ qua. Bài báo này nhằm xem xét 5 lĩnh vực ưu tiên của ESD trong chính sách từ cấp trung ương, cấp bộ và địa phương của Việt Nam, từ đó xác định các điểm mạnh và khoảng trống cần cải thiện trong chính sách ESD trong bối cảnh Việt Nam. Bài viết này đóng góp vào việc cung cấp những minh chứng về chính sách và thực tiễn về ESD ở Việt Nam nhằm bối cảnh hoá khái niệm ESD ở các nước đang phát triển làm cơ sở để đề xuất những lộ trình và sáng kiến ESD phù hợp cho Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Giáo dục vì sự phát triển bền vững

Chương trình giáo dục môi trường quốc tế ở Thụy Điển (1972) và Hội nghị của UNESCO về giáo dục môi trường tại Tbilisi (1977) đã đặt dấu mốc đầu tiên của sự tham gia của giáo dục trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu - thách thức môi trường. ESD là một khái niệm chính trong kế hoạch thực hiện, nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo dục trong PTBV [5]. Theo UNESCO, mục tiêu của ESD là chuẩn bị cho mỗi cá nhân đóng góp vào mục tiêu PTBV thông qua việc trang bị cho họ các kiến thức và năng lực cần thiết để họ không chỉ hiểu được PTBV là gì mà còn cam kết thúc đẩy những sự thay đổi cần thiết [6]. ESD bao gồm 4 khía cạnh

chính bao gồm: i) Nội dung học tập; ii) Môi trường học tập và phương pháp sư phạm; iii) Đầu ra học tập; và iv) Biến đổi xã hội. ESD có cách tiếp cận toàn diện và biến đổi [6, 7]. Do đó, nó không chỉ đề cập tới nội dung dạy và học những chủ đề có liên quan tới PTBV, mà còn yêu cầu sự biến đổi, chuyển mình của các cơ sở giáo dục ở tất cả các cấp độ theo nguyên tắc của PTBV [6].

2.2. Chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững

Thuật ngữ “chính sách” (Policy) được định nghĩa bởi Easton (1953), hiểu một cách đơn giản “chính sách là chương trình hành động do các nhà lãnh đạo hay quản lý đề ra để giải quyết một vấn đề nào đó trong phạm vi thẩm quyền của các giá trị và ưu tiên cung cấp thông tin cho việc ra quyết định [8, 9]. Jenkins (1978) coi chính sách là “một tập hợp các quyết định liên quan đến việc lựa chọn các mục tiêu và phương tiện để đạt được chúng trong một tình huống cụ thể” [10]. Có thể thấy, các vấn đề trong khái niệm chính sách đặt ra cho thấy khó có thể coi chính sách như một hiện tượng cụ thể, chính sách đôi khi có thể được xác định dưới dạng một quyết định, nhưng nó thường liên quan đến các nhóm quyết định hoặc những gì có thể được coi là ít hơn một định hướng. Như vậy, chính sách là tập hợp các biện pháp có giá trị pháp lý nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn theo những mục tiêu nhất định. Chính sách ESD được định nghĩa là các quyết định và khuyến nghị chính sách giáo dục ràng buộc các bên liên quan trong ngành giáo dục tương ứng nhằm thực hiện ESD và PTBV ở tất cả các cấp của ngành giáo dục [11].

Các nghiên cứu quốc tế đều khẳng định rằng chính sách ESD là cần thiết đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, và việc xem xét chính sách ESD cụ thể là chìa khóa để thực hiện thành công ESD. Thực tiễn về chính sách ESD trên toàn cầu cho thấy: mặc dù trách nhiệm đối với chính sách giáo dục khác nhau đáng kể giữa các quốc gia, nhưng nhìn chung các chính sách về ESD đều liên quan đến chương trình giảng dạy (dạy và học), kiểm định, đánh giá giáo viên, bồi dưỡng giáo viên và các mối quan hệ nhà trường với cộng đồng [12] (tr. 48) với những thành tựu

đáng kể đã được ghi nhận (UNESCO, 2014a). Trên bình diện quốc tế, nghiên cứu của R. J. Didham và P. O. Manu trong [13] đã đưa ra một bức tranh về việc tích hợp chính sách trong 5 lĩnh vực ưu tiên chính sách ESD trên thế giới.

Ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu về việc đánh giá chính sách nói chung và xem xét các lĩnh vực ưu tiên của ESD trong các chính sách đã được đề cập đến trong các nghiên cứu của Lê Ngọc Hùng (2024) [14], Võ Thanh Sơn (2022) [15] và Nguyễn Thị Hồng Vân và cộng sự (2020) [16]. Trong nghiên cứu mới được xuất bản năm 2024 của giáo sư Lê Ngọc Hùng, từ góc độ lý thuyết đã giới thiệu một số mô hình lý thuyết trên thế giới về PTBV, từ đó phân tích và trình bày một số kết quả thực hiện mục tiêu PTBV ở Việt Nam năm 2022. Thực tiễn ở Việt Nam có thể cung cấp các bằng chứng kiểm chứng tính đúng đắn của lý thuyết thế giới và kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững thông qua việc đánh giá 17 Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals - SDGs). Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng: để tiếp tục cải tiến và đạt kết quả cao hơn đối với mục tiêu PTBV đã xác định định rõ ràng là còn không ít những vấn đề cần giải quyết. Trong đó, nổi bật nhất là những thách thức và khó khăn gắn với đà tăng của quy mô dân số cùng với biến đổi cấu trúc quy mô dân số theo xu hướng già hoá. Đặc biệt là những rủi ro từ môi trường bị suy thoái, ô nhiễm và biến đổi khí hậu. Do vậy, cả lý thuyết và thực tiễn phát triển bền vững đều cần hiểu đúng và thực hiện đúng quan điểm “lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của nhân dân là mục tiêu hàng đầu” [17]. Nghiên cứu của tác giả Võ Thanh Sơn (2022) đã xem xét lại quá trình PTBV ở Việt Nam dưới góc độ sắp xếp thể chế và các chính sách có liên quan bằng cách xem xét việc tích hợp các khía cạnh của PTBV ở Việt Nam, từ đó đánh giá kết quả ban đầu của việc lồng ghép PTBV vào các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia theo các mục tiêu và ưu tiên của PTBV cũng như các khía cạnh tại Việt Nam

[15]. Về lĩnh vực ESD, nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Vân và cộng sự (2020) đã điểm lại thực trạng chính sách quốc gia về ESD ở cấp độ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên ba lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường. Trên cơ sở kết quả phân tích chính sách, nhóm tác giả đưa ra khuyến nghị về việc xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các khía cạnh có liên quan, đây được coi là giải pháp then chốt để nâng cao hiệu quả hoạch định và thực thi chính sách ESD [16]. Nhìn chung, cho đến thời điểm hiện tại rất ít các nghiên cứu được công bố về đánh giá chính sách nói chung và xem xét các lĩnh vực ưu tiên của ESD trong các chính sách của Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu tổng quan hệ thống chính sách

3.1.1. Thu thập văn bản chính sách

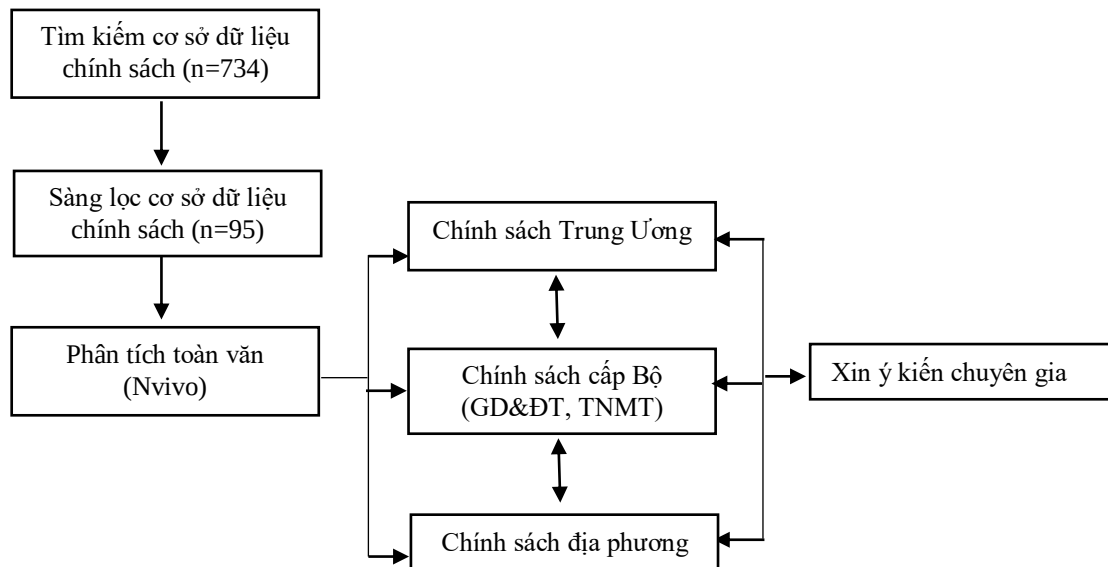
Phương pháp thu thập dữ liệu chính của chúng tôi là khảo sát các chính sách về ESD được công bố từ hệ thống cơ sở dữ liệu cấp độ quốc gia và địa phương (bao gồm Quốc hội, Chính phủ, Bộ ngành và địa phương) từ năm 2004 đến năm 2024 (trước thời điểm hoàn thành việc sáp nhập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh), thông qua việc truy cập các trang web chính thức của chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Bộ Tài nguyên Môi trường (TNMT) để tìm các tài liệu liên quan với các từ khoá tìm kiếm bằng tiếng Việt “phát triển bền vững”, hoặc “giáo dục vì sự phát triển bền vững” hoặc “Việt Nam” hoặc “...”. Kết quả tìm kiếm cho thấy có 95 chính sách, trong đó 12 chính sách ở cấp trung ương, 11 chính sách từ Bộ GD&ĐT và 72 chính sách ở cấp địa phương phù hợp được thu thập để tiến hành quá trình lọc và phân tích dữ liệu thông qua phần mềm Nvivo 14. Bên cạnh các chính sách, các tài liệu ESD của các cơ quan từ Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ TNMT, Trung ương Đoàn Thanh niên, các tổ chức phi chính phủ và các dự án về ESD cũng được chúng tôi rà soát để phân tích trong bài báo này.

3.1.2. Phân tích dữ liệu chính sách

Tất cả các tài liệu được mã hoá thủ công bằng cách sử dụng phần mềm định tính Nvivo 14 thông qua xây dựng các mã code theo 5 chủ đề ESD được ưu tiên được đưa ra bởi UNESCO 2014 [18] bao gồm: i) Thúc đẩy chính sách; ii) Chuyển đổi môi trường học tập; iii) Bồi dưỡng năng lực nhà giáo; iv) Trao quyền và huy động thể hệ trẻ; và v) Thúc đẩy chương trình hành động cấp địa phương.

3.2. Phương pháp chuyên gia

Chúng tôi tiến hành thu thập ý kiến của 12 ý kiến của chuyên gia đến từ Bộ GD&ĐT, Bộ TNMT, Trung Ương Đoàn Thanh niên, các tổ chức phi chính phủ, và đại diện các trường đại học thông qua 1 hội thảo tham vấn về Sáng kiến Quốc gia về ESD tại Bộ GD&ĐT. Quy trình nghiên cứu chính sách ESD được thể hiện ở Hình 1 dưới đây:



Hình 1. Quy trình thu thập và phân tích dữ liệu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thúc đẩy chính sách

4.1.1. Các mốc thời gian về chính sách ESD ở Việt Nam

Về định hướng phát triển, Việt Nam khẳng định tăng trưởng kinh tế luôn đi kèm với công bằng, tiến bộ xã hội và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường [4]. Các mốc thời gian về ESD ở Việt Nam được thể hiện ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Các mốc thời gian của ESD quốc tế và chính sách ở Việt Nam

Năm	Quốc tế	Việt Nam
1991		Kế hoạch hành động quốc gia về môi trường và PTBV (Quốc Hội)
1992	Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển Tuyên bố Johannesburg về PTBV	
2002	Chương trình hành động “Kế hoạch thực hiện Tuyên bố Johannesburg”	

Năm	Quốc tế	Việt Nam
2004		Chương trình Nghị sự 21 (Agenda 21), nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục “con người là trung tâm của sự PTBV”.
2005 - 2014	Thập kỷ ESD	Hội đồng quốc gia về PTBV được thành lập. Ủy ban Quốc gia thập kỷ ESD được thành lập.
2009	Hội nghị thế giới về ESD ở Bonn (Đức)	Kế hoạch hành động quốc gia về ESD giai đoạn 2010 - 2014. Trong đó, 17 chủ đề chiến lược cho ESD đã được đưa ra.
2012		Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (theo Quyết định 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Chính phủ).
2015-2019	GAP - Chương trình hành động toàn cầu về ESD	Cam kết thực hiện Chương trình nghị sự Agenda 2030.
2017		Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 đưa ra 17 SDGs đến năm 2030 và 115 mục tiêu cụ thể ở Việt Nam. Quyết định số 2161/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu PTBV lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.
2023		Quyết định số 841/QĐ-TTg về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu PTBV Việt Nam đến năm 2030 và 117 mục tiêu cụ thể ở Việt Nam.

Nhìn chung, Việt Nam đã thể hiện cam kết về mặt chính trị đối với PTBV [15] và ESD. Tầm quan trọng của các chính sách ESD tại Việt Nam ngày càng được củng cố và theo xu hướng toàn cầu.

4.1.2. Khung chính sách quốc gia cho giáo dục vì sự phát triển bền vững

PTBV được định nghĩa một cách đơn giản trong ấn phẩm “Chiến lược bảo tồn Thế giới” (hay còn gọi là bản Tuyên bố Brundtland) là “sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” [19]. Hiện nay, vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về định nghĩa khái niệm PTBV nhưng hầu hết các định nghĩa đều đảm bảo có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa ba mặt của sự phát triển gồm: phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội) và bảo vệ môi trường

(xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, phòng chống cháy rừng và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên) [20]. Cũng giống như các mục tiêu của PTBV, ESD ở Việt Nam cũng được xây dựng dựa trên 3 trụ cột trên. ESD hướng tới các kiến thức, kỹ năng, giá trị và năng lực hành động để thực hiện các mục tiêu quốc gia theo các trụ cột là: kinh tế, văn hoá - xã hội và môi trường. Cụ thể:

Kinh tế: giáo dục các kỹ năng để duy trì một hệ thống kinh tế bền vững hỗ trợ phúc lợi cho mọi người và môi trường, dự báo những hạn chế, rủi ro và tiềm tàng của tăng trưởng kinh tế và tác động của nó đến xã hội và môi trường, với một sự cam kết đánh giá các mức độ chi tiêu cá nhân và xã hội trước những lo ngại về môi trường và công bằng xã hội.

Văn hoá: giáo dục sự hiểu biết về những giá trị vật chất và tinh thần có ảnh hưởng và định

hình cho việc lựa chọn của cá nhân và xã hội, bao gồm vai trò của niềm tin và triết lý thế giới, cách thức duy trì mối quan hệ tốt đẹp với người khác và với thế giới tự nhiên, những phương thức sáng tạo được sử dụng để bày tỏ những giá trị và mối quan hệ này.

Xã hội: giáo dục sự hiểu biết về cách tổ chức xã hội và vai trò của những tổ chức này trong việc thay đổi và phát triển, cũng như những hệ thống dân chủ, tạo cơ hội để bày tỏ và thực thi những vấn đề hoà nhập, quyền và công bằng xã hội, sự tôn trọng, quan tâm, quan điểm và quy trình quản trị, xây dựng đồng thuận và giải quyết những khác biệt.

Môi trường: cung cấp kiến thức, giáo dục ý thức tôn trọng và bảo vệ các hệ sinh thái cũng như những thuộc tính hỗ trợ cuộc sống, nét đẹp và sự đa dạng của các hệ sinh thái; giáo dục về sức tải môi trường, tính dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái, đóng góp của môi trường, hệ sinh thái đối với phúc lợi của nhân loại và các giới hạn trong việc khai thác tài nguyên; nâng cao cam kết của mọi người trong việc xem xét cẩn trọng các vấn đề môi trường trong quá trình xây dựng chính sách kinh tế và xã hội.

4.2. Chuyển đổi môi trường học tập

ESD tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập an toàn và hiệu quả cho học sinh và liên kết với các hệ sinh thái xung quanh và do đó mang lại những cơ hội năng động để thực hành và giải quyết các vấn đề nhằm PTBV [6]. Trường học trở thành trung tâm của cộng đồng, nơi người dân địa phương có thể tham gia và bối cảnh hoá các cơ hội học tập để đáp ứng nhu cầu của họ. Điều này giúp phát triển các mối quan hệ xã hội bền chặt, xây dựng lòng tin và ý thức công dân [1]. Ở Việt Nam, nhà trường là đối tượng hướng đến của 4 chính sách về ESD ở cấp quốc gia và 29 trong tổng số 72 chính sách ở cấp độ địa phương. Trong đó, mục tiêu quan trọng nhất của nhà trường là “thực hiện giáo dục về bảo vệ môi trường và PTBV trong nhà trường phổ thông” (Quyết định (QĐ) số 153/2004/QĐ-TTg) [21] và “đưa nội dung giáo dục về PTBV vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục” (QĐ số 160/QĐ-TTg [22], QĐ số 432/QĐ-TTg [23] và QĐ số 622/QĐ-TTg) [24].

Các nghiên cứu chỉ ra rằng chương trình giảng dạy quốc gia thường đóng vai trò là thành phần quan trọng nhất của chính sách giáo dục và có thể cung cấp những phương tiện chắc chắn nhất để đảm bảo việc thực hiện ESD [18]. Ở nhiều quốc gia, điểm đầu tiên để đưa ESD vào là Kế hoạch PTBV, tuy nhiên, những nhiệm vụ này đối với ESD không phải lúc nào cũng nhanh chóng chuyển thành sự tích hợp mạnh mẽ vào chính sách giáo dục. Việt Nam đã nỗ lực mạnh mẽ để lồng ghép ESD vào trong chương trình giảng dạy quốc gia với 6 chính sách đề cập đến việc “đưa nội dung về PTBV vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân”, trong đó có việc tích hợp ESD vào trong sách giáo khoa và chương trình giáo dục địa phương (Quyết định số 3033/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT). Đáng chú ý là Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2006 và 2018 ở Việt Nam đều thực hiện việc tích hợp ESD trong Chương trình quốc gia từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông. Trong đó, Chương trình GDPT 2018 được Bộ GD&ĐT phê duyệt triển khai từ năm học 2021-2022 tại Việt Nam phù hợp với nhiều nguyên tắc của ESD như chương trình theo định hướng phát triển năng lực. Các mục tiêu của ESD có xuất hiện trong mục tiêu của Chương trình GDPT 2018 tổng thể: “Về phẩm chất trách nhiệm, cấp trung học phổ thông: hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự PTBV, có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên”. “Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và PTBV” [25] (trang 42). Chương trình GDPT 2018 hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi cũng là các năng lực ESD. Có tới 4/6 năng lực ESD có trong năng lực cốt lõi của Chương trình GDPT 2018, đó là: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (có tư duy độc lập), năng lực tự chủ và tự học. Về nội dung, các chủ đề ESD đã được trình bày cụ thể liên quan đến bốn trụ cột của PTBV: kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường. Các chủ đề chính về PTBV trong Chương trình GDPT 2018 được tích hợp

trong hầu hết các môn học từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông. Về phương pháp sư phạm: chương trình GDPT 2018 cũng được xây dựng dựa trên nhiều nguyên tắc của ESD như áp dụng giáo dục dựa trên năng lực, tăng cường học tập trải nghiệm khuyến khích giáo viên sáng tạo hơn, trong việc giảng dạy và thúc đẩy giáo dục địa phương [25]. Hoạt động học tập của học sinh cần bao gồm hoạt động phát hiện vấn đề, hoạt động thực hành và hoạt động thực hành, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập. Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên trường thông qua một số hình thức chính sau: học lý thuyết; thực hiện các bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia hội thảo, tham quan, cắm trại, đọc sách; hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc triển khai các mô hình học tập đa dạng từ học độc lập đến học theo nhóm hay hợp tác cả lớp, tự thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế của mình cần được tổ chức trong các trường học. Vì vậy, việc đổi mới chương trình giảng dạy quốc gia như vậy được kỳ vọng sẽ tạo ra một môi trường học tập có thể thúc đẩy ESD.

4.3. Bồi dưỡng năng lực nhà giáo

Đào tạo giáo viên toàn diện có tính đến sự cải tiến về khối lượng kiến thức của giáo viên và cách truyền đạt thông tin này là một yếu tố quan trọng trong bất kỳ quá trình cải cách giáo dục nào, đặc biệt là liên quan đến tích hợp ESD [26]. Giáo viên với vốn kiến thức và năng lực phương pháp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong bất kỳ quá trình cải cách giáo dục nào, đặc biệt là liên quan đến tích hợp ESD [26]. ESD đóng góp đáng kể vào việc thúc đẩy sự thay đổi trong quá trình dạy và học ở các môi trường giáo dục. Phương pháp tiếp cận ESD thu hút học sinh vào các mối quan hệ học tập hợp tác, lấy học sinh làm trung tâm. Ở Việt Nam, đào tạo giáo viên là một trong những ưu tiên về chính sách ESD của Việt Nam với 6 chính sách ở cấp trung ương và 17 chính sách ở cấp địa phương. Các nội dung của việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trong các chính sách ESD là: xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp học vùng dân tộc thiểu số và miền núi về nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với học sinh ở vùng này nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (QĐ số 3033/QĐ-BGDĐT) [27]; Tăng nguồn cung giáo viên có trình độ, thông qua hợp tác quốc tế về đào tạo giáo viên tại các quốc gia đang phát triển (Mục tiêu 4) (Quyết định số 622/QĐ-TTg); và "... củng cố, đổi mới các trường sư phạm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo giáo viên, đặc biệt giáo viên cho miền núi, vùng dân tộc; thực thi chính sách phân bổ và hỗ trợ tài chính hợp lý từ ngân sách nhà nước trung ương và địa phương" (QĐ 153/2004-QĐ-TTg). Đáng chú ý hơn, năm 2021, Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT về chương trình và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông, quy định các môn học bắt buộc và môn học tự chọn, trong đó môn học ESD được đưa vào học phần tự chọn 2 tín chỉ, tương đương với 30 tiết [28]. Có thể nói, sau Chương trình GDPT 2018, đây là thông tư đầu tiên của Bộ GD&ĐT được đề cập đến đào tạo giáo viên.

UNESCO gần đây đã bắt đầu nhấn mạnh mối tương quan giữa giáo dục và đào tạo nghề, ESD và giáo dục BDKH gần đây được coi là nhân tố chính tham gia giảm lượng khí thải carbon cho nền kinh tế [29]. Có 04 chính sách đề cập đến việc "Cập nhật và đưa các nội dung ESD vào chương trình giảng dạy của các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục và đào tạo" [23] và 7 chính sách giáo dục BDKH được đề cập tới đào tạo nghề. Giáo dục BDKH trong đào tạo nghề cũng được nhấn mạnh trong việc đào tạo các nghề mới để phát triển ngay địa phương như du lịch, nông nghiệp xanh, chuyên gia nghiên cứu về BDKH, năng lượng hay việc tăng cường sự tham gia cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo các ngành, nghề phục vụ trong các ngành, mô hình phát triển kinh tế xanh. Việc chú trọng xanh hoá đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế ít phát thải carbon được đề cập đến trong các chính sách các cấp (4 chính sách chính sách ESD của Chính phủ;

01 chính sách giáo dục BDKH của Bộ GD&ĐT và 06 chính sách giáo dục BDKH của địa phương là điểm tích cực trong chính sách của Việt Nam trong bối cảnh nghiên cứu quốc tế nêu bật sự thiếu phối hợp chính sách giữa các vấn đề liên quan đến khí hậu và các nhà hoạch định chính sách giáo dục [30].

4.4. Trao quyền và huy động thế hệ trẻ

Trên bình diện thế giới, có nhiều chương trình và chính sách gần đây tập trung vào giới trẻ vì vai trò của họ trong việc thay đổi xã hội lâu dài và hoạt động tích cực của họ trong việc bảo tồn môi trường [31]. Nâng cao hiểu biết về tính bền vững của thanh niên được coi là bước đầu tiên của việc trao quyền đó. Ở Việt Nam, Đoàn Thanh Niên là một tổ chức đại diện cho tiếng nói, nguyện vọng của Thanh thiếu niên Việt Nam, đối tượng nhận sự giáo dục với gần 25 triệu trẻ em và Thanh niên [32]. Đáng chú ý, trong các Nghị quyết hoạt động của Đoàn, Đội các cấp các mục tiêu về ESD song trùng như: đảm bảo quyền trẻ em, tiếp cận giáo dục bình đẳng trong học tập từ học sinh mầm non đến đại học. Đặc biệt ở Việt Nam hiện nay, vấn đề Khởi nghiệp của Thanh Niên có vai trò quan trọng. Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc phê duyệt đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” gọi tắt là Đề án 1665, nhằm mục tiêu hỗ trợ các hoạt động về khởi động, sáng tạo của sinh viên liên quan đến các mục tiêu PTBV, bao gồm 4 chương trình lớn đó là: i) Khởi nghiệp; ii) Giáo dục Thanh niên; iii) Tăng cường Kỹ năng số; và iv) Vai trò của thanh niên trong các hoạt động xã hội, dân sự. Hiện tại, các chương trình Khởi nghiệp của sinh viên, Đề án 1665, giáo dục đến kỹ năng, tư duy khởi nghiệp của sinh viên vẫn đang trong tiến trình triển khai. Vấn đề giáo dục khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của Thanh niên có liên quan mật thiết với giáo dục BDKH. Bên cạnh đó, tại các trường đại học Đoàn thanh niên và các câu lạc bộ môi trường đã thực hiện rất hoạt động ESD có thể kể đến như câu lạc bộ bảo vệ môi trường dưới sự hỗ trợ của các tổ

chức phi chính phủ hoặc giảng viên trong trường

4.5. Thúc đẩy hành động ở địa phương

Kết quả mã hoá dữ liệu cho thấy, có 72 chính sách địa phương về ESD liên quan đến các chính sách học tập suốt đời. Trong đó, 29 chính sách ở các địa phương yêu cầu tích hợp ESD trong các chương trình phổ thông và nhà trường; Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự PTBV (QĐ số 622/QĐ-TTg) đã chỉ rõ: “Phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của PTBV. Đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội dân chủ, văn minh; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ,...”.

Ở Việt Nam, bên cạnh Chương trình GDPT 2018, có tới 43 chính sách ở địa phương có mục tiêu kết quả đầu ra hướng tới việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực và hành vi của người học. Trong đó, các đối tượng hướng tới của chính sách ESD ở địa phương có mục tiêu kết quả đầu ra hướng tới việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực và hành vi của người học. Các đối tượng hướng tới của chính sách ESD ở địa phương là cộng đồng (50 chính sách), học sinh (29) và các chuyên gia giáo dục (3). Trong 72 chính sách của các địa phương đều có sự phân công, mục tiêu và giám sát và thực hiện đối với từng cơ quan hay lĩnh vực cụ thể. Bên cạnh đó, việc tăng cường năng lực cho những người ra quyết định và những người đưa ra ý kiến cũng như cho công chúng về tính bền vững đang tồn tại cũng được đề cập đến trong chính sách ở cấp Trung ương và địa phương.

5. Thảo luận

5.1. Điểm mạnh trong chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam

- Cách tiếp cận sáng tạo trong chính sách ESD ở Việt Nam

Tiến trình PTBV trên thế giới là một quá trình vận động lâu dài. Cho đến nay, khái niệm, nội dung của PTBV đã được cụ thể hoá, đặc

biệt là mô hình dựa trên 3 trụ cột về kinh tế, xã hội - văn hoá và môi trường. Tại Việt Nam, nỗ lực hiện thực hoá các trụ cột này không chỉ dừng lại ở việc ban hành 17 SDGs và 115 mục tiêu theo Chương trình Nghị sự 2030 mà còn được nâng tầm thông qua hệ thống thể chế và các định hướng ưu tiên chiến lược mới trong giai đoạn từ năm 2025 đến nay.

Việt Nam đã thể hiện cam kết của Chính phủ trong việc lồng ghép ESD trong các chính sách phát triển quốc gia, thích ứng với bối cảnh ESD của quốc tế với việc ban hành 95 chính sách, trong đó có 12 chính sách ở cấp độ Quốc gia, 11 chính sách của Bộ Giáo dục và Bộ Tài Nguyên và Môi trường và 72 chính sách ở cấp địa phương đề cập đến 5 lĩnh vực ưu tiên của ESD. Đáng chú ý, từ năm 2025, định hướng ESD tại Việt Nam đã có những chuyển biến phù hợp với yêu cầu của chính sách “các trụ cột phát triển” theo tinh thần của Nghị Quyết 57/TW [33] và Nghị quyết 71/TW [34]. Cách tiếp cận mới này không chỉ nhấn mạnh vào sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, mà còn đặc biệt ưu tiên vai trò của giáo dục trong việc kiến tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực thích ứng với kỷ nguyên kinh tế xanh và chuyển đổi số. Về cơ bản, các chính sách của ESD bao trùm toàn diện ba lĩnh vực xã hội-văn hóa, kinh tế và môi trường, tập trung vào các vấn đề cốt lõi của PTBV như tiếp cận giáo dục có chất lượng và công bằng, bình đẳng giới, đảm bảo quyền cơ bản của con người, quyền phát triển bình đẳng của các nhóm dân tộc, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh rủi ro, thiên tai, tiếp cận tài chính và kinh tế, kinh doanh để đảm bảo chất lượng cuộc sống; góp phần nâng cao năng lực giáo dục và truyền thông cũng như trách nhiệm giải trình của các bên liên quan, đặc biệt là các cán bộ lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, chính quyền địa phương, và những người thực thi chính sách,...

Nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới đã đưa ra các quy định cụ thể nhằm thể chế hoá việc dạy và học, hướng dẫn cho các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thực hiện lồng ghép các nội dung ESD như bình đẳng giới, văn hoá và ngôn ngữ

của các nhóm dân tộc thiểu số, giáo dục tài chính, kinh doanh, giáo dục di sản văn hoá, giáo dục bảo vệ môi trường,... trong các nội dung dạy học theo môn học/cấp học cũng như tích hợp trong các chương trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm, nhằm tăng cường năng lực của đội ngũ những người triển khai chính sách và chương trình giáo dục cho học sinh mầm non và phổ thông về các vấn đề này. Đây chính là bước đi đột phá để chuyển đổi từ nhận thức sang hành động, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của các nhà hoạch định chính sách cũng như các bên liên quan trong nỗ lực xây dựng một mối quan hệ hài hoà, bền vững giữa con người và hệ sinh thái.

Mô hình ESD thành công ở Việt Nam:

Sáng kiến ESD ở Việt Nam được thực hiện trong giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên. Xét từ góc độ giáo dục chính quy, ESD được thực hiện thông qua việc tích hợp các chủ đề PTBV trong dạy và học. Năm 2001, Việt Nam thông qua việc tích hợp giáo dục môi trường. Đây là bước đầu tiên trong tiến trình thực hiện ESD ở nước ta. Chương trình “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” cũng là một trong những động thái của ESD trong nhà trường. Trong lĩnh vực giáo dục thường xuyên, ESD chủ yếu được thực hiện thông qua các chương trình của các tổ chức phi chính phủ và các câu lạc bộ, Đoàn thanh niên nhằm nâng cao nhận thức của người học về các chủ đề tiết kiệm năng lượng, bình đẳng giới, quyền trẻ em, vệ sinh học đường, HIV/AIDS,... Bên cạnh đó, nhiều trường đại học đã chú ý đến yếu tố PTBV trong kế hoạch chiến lược, đảm bảo cơ sở vật chất và chương trình đào tạo của nhà trường [35, 36].

Tích hợp ESD trong Chương trình GDPT 2018:

Tích hợp ESD vào trong chương trình giảng dạy các cấp học trong nhà trường là một nội dung được đề cập trong rất nhiều chính sách của Việt Nam. Trên thực tế, ESD đã được tích hợp trong Chương trình GDPT 2006 với nhiều chủ đề về PTBV trong các môn học như Địa lý, Sinh học, Vật lý, hay Giáo dục công dân với hình thức học tập chủ yếu là tích hợp ngang và tích hợp dọc trong các bài học. Hình thức học

tập chủ yếu được nhấn mạnh là thông qua hoạt động ngoại khoá với các cuộc thi như vẽ tranh, kể chuyện,... Tuy vậy, phải đến Chương trình GDPT 2018, được triển khai ở Việt Nam bắt đầu từ năm học 2021-2022 với nhiều nguyên tắc của ESD như chương trình theo định hướng phát triển năng lực, với 4/6 năng lực cốt lõi của ESD được tích hợp trong mục tiêu Chương trình GDPT 2018. Mặc dù tư duy phản biện không được tìm thấy trong năng lực chung của Chương trình GDPT 2018 nhưng chúng vẫn được tích hợp trong các môn học tự nhiên và xã hội như Ngữ văn, Toán học và khoa học tự nhiên. Các khía cạnh về nhận thức, cảm xúc xã hội và hành vi trong năng lực chung của ESD cũng được tích hợp sâu rộng trong các môn học của nhà trường. Các kiến thức về PTBV đặc biệt là 17 SDGs được lồng ghép rộng rãi trong chương trình môn học các cấp học. Điều này, cũng giúp học sinh mở rộng kiến thức về mối liên hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và quốc gia trên toàn thế giới. Phương pháp sư phạm theo hướng lấy người học làm trung tâm với phương pháp sư phạm chuyển đổi, định hướng hành động giúp nâng cao khả năng học tập, sự tham gia và cộng tác tự định hướng cũng như định hướng vấn đề là cách tốt nhất để đạt được SDGs. Cách tiếp cận đưa ESD vào chương trình GDPT ở Việt Nam có nhiều nét tương đồng với các quốc gia ở khu vực châu Á như Trung Quốc và Hàn Quốc với việc bắt buộc đưa ESD vào các hướng dẫn và tiêu chuẩn. Nhật Bản đã thiết lập một khoảng thời gian mở cho phép sự linh hoạt của giáo viên tích hợp các chủ đề phù hợp; Malaysia và Philippines coi ESD là một thành phần chủ đạo trong các chủ đề truyền thống; Indonesia tích hợp ESD như một thành phần của giáo dục địa phương để giải quyết các vấn đề bối cảnh [37, 38]. Một số quốc gia ở Châu Âu thực hiện ESD thông qua các phương pháp giảng dạy liên ngành, một số nhà nghiên cứu đã lưu ý rằng việc tích hợp nội dung ESD là một chủ đề riêng biệt, thường được kết hợp với giáo dục môi trường [18]. Việc tích hợp ESD vào các chương trình giảng dạy một cách toàn diện thông qua việc đưa các phương pháp sư phạm và chủ đề ESD vào các môn học truyền thống hoặc các phương pháp liên ngành có những tác

động sâu rộng đối với việc thực hiện ESD trong giáo dục chính quy.

5.2. Khoảng trống trong chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam

Nhìn chung, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức tương tự đối với việc thực hiện ESD ở các nước đang phát triển khác [39].

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiều chính sách chưa xác định rõ mục tiêu, lộ trình, giải pháp cụ thể chưa tạo thành một hệ thống chính thể (từ Nghị quyết, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch hành động và các văn bản hướng dẫn) cho cùng một lĩnh vực và bao quát được đầy đủ các nội dung; Một số văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách ESD của Bộ còn thiếu hướng dẫn cụ thể, dẫn đến tình trạng là các cán bộ địa phương không rõ cách thức triển khai chính sách và chỉ đơn thuần chuyển văn bản ban hành xuống cấp dưới và kết quả là việc thực hiện chính sách này ở các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chưa đảm bảo được chất lượng và hiệu quả mong muốn. Một số văn bản chính sách không định nghĩa rõ ràng mục tiêu, cách thức, biện pháp thực hiện và giám sát; Thiếu cơ chế hoặc chưa rõ ràng về cách thức phối hợp giữa các bộ, ngành có liên quan, các cơ quan chuyên trách trong việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về PTBV [39]. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh tế, mặc dù các văn bản chính sách về tăng cường kinh tế bền vững, tăng trưởng xanh, phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững,... đều có đề cập đến vai trò, nhiệm vụ của giáo dục, tuyên truyền, song trong các bước tổ chức thực hiện cụ thể, lộ trình, phân công thực hiện của từng văn bản thì sự tham gia, phối hợp của ngành giáo dục cũng như các hoạt động, giải pháp được đề xuất cho ngành giáo dục liên quan đến PTBV lại chưa rõ ràng, cụ thể. Ngay trong Bộ GD và ĐT, các nội dung và yêu cầu cụ thể về ESD cũng do nhiều đơn vị quản lý khác nhau của Bộ chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo nên phần nào cũng gây khó khăn cho địa phương trong việc lĩnh hội, thực hiện và báo cáo. Một số chính sách

ESD chưa gắn trách nhiệm cụ thể cho các bên liên quan để thúc đẩy các nội dung giáo dục trong một số lĩnh vực để tạo thành một hệ thống xuyên suốt. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các cấp trong ngành giáo dục đối với việc thực hiện ESD chưa được quy định rõ ràng, nên việc triển khai khó đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả; Các hoạt động liên quan đến ESD trong các văn bản chính sách được rà soát chủ yếu tập trung vào nâng cao nhận thức, kiến thức cho trẻ mầm non và học sinh phổ thông mà chưa chú trọng đúng mức vào thay đổi hành vi để tạo nên chuyển biến nhanh chóng và hiệu quả trong xã hội. Một số nội dung cơ bản về ESD và phương pháp lồng ghép, tích hợp những nội dung ESD này vào các môn học và hoạt động giáo dục đã được đưa vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên các bậc học mầm non và phổ thông. Tuy nhiên, cách hướng dẫn còn mang tính khái quát, thiếu những ví dụ cụ thể, đặc biệt là ví dụ về ESD trong từng môn học; Thiếu quy định rõ ràng về kinh phí và nguồn lực tài chính để thực hiện chính sách. Đây là một rào cản lớn để đưa chính sách vào thực tiễn. Bên cạnh đó, có một số chính sách do ngân sách quy định cho hoạt động triển khai còn rất hạn chế và không phù hợp với điều kiện huy động ngân sách của địa phương nên tính khả thi trong việc triển khai các chính sách cũng còn nhiều rào cản.

Có khoảng cách về việc thực hiện chính sách ở cấp Trung ương và địa phương cũng như trong các nhà trường ở Việt Nam. Kết quả khảo sát giáo viên ở các trường phổ thông trong dự án “UNESCO Associated Schools Network (ASPnet): Collaborative Action Research on the Role of Schools in Achieving SDGs in Asia-Pacific” của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2022) cho thấy, mặc dù giáo viên đã thực hiện tốt ESD trong chương trình do đã nhận thức tốt về nó, các phương pháp sư phạm đa dạng theo tiếp cận ESD [40]. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam thực hiện cả 2 Chương trình GDPT cùng lúc, giáo viên bị nhiều áp lực để thực hiện chương trình GDPT 2018 và ESD chỉ là một phần phụ được thêm vào trong môn học. Mặt

khác, việc tích hợp quá nhiều vấn đề đa dạng như giáo dục giới tính, bình đẳng giới, an toàn giao thông, bạo lực học đường, an toàn thực phẩm,... dẫn đến sự quá tải trong chương trình. ESD đòi hỏi tiếp cận liên môn và dạy học định hướng hành động: giáo dục trong nhà trường phổ thông ở Việt Nam mang tính phân môn rõ rệt. Việc dạy và học thiên về cung cấp kiến thức cho người học và nặng về đánh giá thi cử. ESD liên quan đến nhiều vấn đề như hoá học, sinh học, địa lý, đạo đức,... Chỉ có tiếp cận liên môn mới đảm bảo việc ESD một cách hệ thống, khoa học, đầy đủ, sâu sắc. Ở Việt Nam hiện nay mới chỉ áp dụng phổ biến hình thức lồng ghép, tích hợp nội dung ESD trong các môn học chứ chưa có một chương trình cụ thể của Bộ cho phép hình thành một môn học mới về ESD. Việt Nam hiện nay đã có chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và đang được triển khai sâu rộng. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các chương trình giáo dục phổ thông về ESD có chất lượng và có tác động mạnh đến học sinh. Việc kiểm tra đánh giá ESD còn chưa thực sự được quan tâm trong chính sách. Các cuộc thi, sáng kiến, và hoạt động ngoại khoá là các giải pháp chính đưa ra trong chính sách ESD. Việc thiếu các chính sách giám sát, đánh giá giáo viên khiến cho giáo viên thiếu đi động lực thực hiện ESD trong nhà trường.

6. Kết luận

Như vậy, việc rà soát và thúc đẩy các chính sách hiện hành có liên quan đến ESD được coi là chìa khoá để thực hiện thành công ESD ở các quốc gia. Trong bối cảnh của Việt Nam, việc thúc đẩy ESD đòi hỏi một tiếp cận đa mặt bao gồm việc củng cố chính sách, cải cách chương trình giáo dục phổ thông, đào tạo giáo viên và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và thể hệ trẻ. Bằng cách ưu tiên các khuyến nghị này, Việt Nam có thể tiến bộ một cách đáng kể trong việc xây dựng một tương lai bền vững và mạnh mẽ cho các thế hệ sắp tới. Cần thiết rằng tất cả các bên liên quan, bao gồm các nhà quyết định chính sách, giáo viên, cộng đồng và các đối tác,

cùng hợp tác để triển khai những thay đổi này và đảm bảo sự thành công của ESD tại Việt Nam.

Lời cảm ơn

Bài báo là sản phẩm của dự án “Lồng ghép Giáo dục vì sự phát triển bền vững đến năm 2030 tại Việt Nam: tiến hành rà soát thực trạng ESD tại Việt Nam và xây dựng sáng kiến Quốc gia về ESD đến năm 2030 thông qua phương pháp tiếp cận tham vấn sâu rộng” do UNESCO Việt Nam tài trợ (2023).

Tài liệu tham khảo

- [1] UNESCO, Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives, Paris, France: UNESCO, 2017.
- [2] O. O. Manteaw, Education for Sustainable Development in Africa: The Search for Pedagogical Logic, *Int. J. Educ. Dev.*, Vol. 32, No. 3, 2012, pp. 376-383, <https://doi.org/10.1016/j.ijedudev.2011.08.005>.
- [3] B. Jickling, A. Wals, Debating Education for Sustainable Development 20 Years after Rio: A Conversation between Bob Jickling and Arjen Wals, *J. Educ. Sustain. Dev.*, Vol. 6, No. 1, 2012, pp. 49-57, <https://doi.org/10.1177/097340821100600111>.
- [4] Socialist Republic of Vietnam, Implementation of Sustainable Development in Vietnam: National Report at the UN Conference on Sustainable Development (Rio+ 20), Hanoi, 2012.
- [5] UNESCO, Agenda 21, Paris, France: UNESCO, 1992.
- [6] UNESCO, Issues and Trends in Education for Sustainable Development, Paris, France: UNESCO, 2018.
- [7] R. Lozano et al., A Review of Commitment and Implementation of Sustainable Development in Higher Education: Results from a Worldwide Survey, *J. Clean. Prod.*, Vol. 108, 2015, pp. 1-18, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2014.09.048>.
- [8] D. Easton, *The Political System*, New York, NY, USA: Knopf, 1953.
- [9] D. Easton, *A Framework for Political Analysis*. Englewood Cliffs, NJ, USA: Prentice Hall, 1965.
- [10] W. I. Jenkins, *Policy Analysis*, London: Martin Robertson, 1978.
- [11] Government of Kenya, Education for Sustainable Development Policy for the Education Sector, 2017, pp. 58.
- [12] UNESCO, *National Journeys Towards Education for Sustainable Development*, Paris, France: UNESCO, 2014.
- [13] P. O. Manu, R. J. Didham, *Advancing Policy to Achieve Quality Education for Sustainable Development in Issues and Trends in Education for Sustainable Development*, Paris, France: UNESCO, 2018, pp. 4.
- [14] L. N. Hung, “Sustainable Development: From Global Theory to Practice in Vietnam”, *Journal of Scientific Information on Political Theory*, Vol. 3, No. 109, 2024, pp. 28-37 (in Vietnamese).
- [15] V. T. Son, Integrating Sustainable Development into National Policy: The Practice of Vietnam, *Glob. Chang. Sustain. Dev. Asian Emerg. Mark. Econ.* Vol. 2, No. 1, 2022, pp. 283-300, https://doi.org/10.1007/978-3-030-81443-4_18.
- [16] N. T. H. Van, N. L. Van Dung, National Policy on Education for Sustainable Development in Vietnam Preschool and General Education - Reality and Solution, No. 01, 2020, pp. 15-20.
- [17] Communist Party of Vietnam, Documents of the 13th National Congress, Vol. 1, Su That National Political Publishing House, Hanoi, 2021 (in Vietnamese).
- [18] UNESCO, *Shaping the Future we Want: UN Decade of Education for Sustainable Development (2005-2014) Final Report*, Paris: UNESCO, <http://unesdoc.unesco.org/images/0023/002301/230171e.pdf>, 2014 (accessed on: May 15th, 2020).
- [19] WCED, *Our Common Future: A Report from the United Nations World Commission on Environment and Development*, Oxford, UK: Oxford Univ, Press, 1987.
- [20] S. Sterling, Learning for Resilience, or the Resilient Learner? Towards a Necessary Reconciliation in a Paradigm of Sustainable Education, *Environ. Educ. Res.*, Vol. 16, No. 5-6, 2010, pp. 511-528, <https://doi.org/10.1080/13504622.2010.505427>.
- [21] Prime Minister, Decision No. 153/2004/QĐ-TTg dated August 17, 2004, on the promulgation of the Strategic Orientation for Sustainable Development in Vietnam (Vietnam's Agenda 21), 2004 (in Vietnamese).
- [22] Prime Minister, Decision No. 160/QĐ-TTg Approving the National Action Plan on Sustainable Development for the 2013 - 2015 Period, 2013 (in Vietnamese).
- [23] Prime Minister, Decision No. 432/QĐ-TTg Approving the Vietnam Sustainable Development Strategy for the 2011-2020 Period, 2012 (in Vietnamese).

- [24] Prime Minister, Decision No. 622/QĐ-TTg on the Promulgation of the National Action Plan for the Implementation of the 2030 Agenda for Sustainable Development, 2017 (in Vietnamese).
- [25] Ministry of Education and Training, General Education Program, Issued with Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT, 2018, <https://data.moet.gov.vn/>, 2018 (accessed on: May 15th, 2020) (in Vietnamese).
- [26] G. Pataki, Education Policy Centers Network., 2005.
- [27] Ministry of Education and Training, Decision No. 3033/QĐ-BGDĐT on the Promulgation of the Plan to Implement Sustainable Development Goals for Ethnic Minorities in the Field of Education and Training for the 2021-2025 Period, 2021 (in Vietnamese).
- [28] Ministry of Education and Training, Circular No. 12/2021/TT-BGDĐT Promulgating the Pedagogical Training Program for People with Suitable Bachelor's Degrees who Wish to Become Junior High School and High School Teachers, 2021 (in Vietnamese).
- [29] J. Læssøe, Y. Mochizuki, Recent Trends in National Policy on Education for Sustainable Development and Climate Change Education, *J. Educ. Sustain. Dev.*, Vol. 9, No. 1, 2015, pp. 27-43.
- [30] A. Bieler, R. H. delay, A. Dale, M. Mckenzie, A National Overview of Climate Change between Subnational Climate and, *J. Educ. Sustain. Dev.*, Vol. 11, No. 2, 2018, pp. 63-85.
- [31] D. W. W. Lake, L., Flanagan, C. A. Osgood., Examining Trends in Adolescent Environmental Attitudes, Beliefs, and Behaviors Across Three Decades., *Environ. Behav*, Vol. 42, No. 1, 2010, pp. 61-85, <https://doi.org/10.1017/CBO9781107415324.004>, 2010.
- [32] T. J. Kieu, T. K. Singer, J. Gannon, Education for Sustainable Development in Vietnam: Lessons Learned from Teacher Education., In *Interna*, Vol. 17, Issue 6, 2016, <https://doi.org/10.1108/IJSHE-05-2015-0098>, 2016.
- [33] Central Committee of the Communist Party of Vietnam, Resolution 57-NQ/TW on Breakthroughs in the Development of Science, Technology, Innovation, and National Digital Transformation, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong/>, 2024 (accessed on: May 15th, 2020) (in Vietnamese).
- [34] Resolution No. 71-NQ/TW on Breakthroughs in the Development of Education and Training, Central Committee of the Communist Party of Vietnam, 2025, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Nghi-q/>, 2025 (accessed on: May 15th, 2020) (in Vietnamese).
- [35] T. P. Nguyen, Searching for Education for Sustainable Development in Vietnam, *Environ. Educ. Res.*, Vol. 0, No. 0, 2019, pp. 1-13, <https://doi.org/10.1080/13504622.2019.1569202>.
- [36] A. N. Nguyen et al., Assessing Teacher Training Programs for the Prevalence of Sustainability in Learning Outcomes, Learning Content and Didactic Approaches, *J. Clean. Prod.*, Vol. 365, No. June, 2022, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.132786>.
- [37] R. J. O. Manu, P. Didham, Assessment of Learning Performance in Education for Sustainable Development: Investigating the Key Factors in Effective Educational Practice and Outcomes for Sustainable Development, 2012.
- [38] M. Phang, F. A. Wong, W. Y. Ho, C. S. Musa, A. N. Fujino, J. Suda, Iskandar Malaysia Ecolife Challenge: Low-carbon Education for Teachers and Students., *Clean Technol, Environ, Policy*, Vol. 18, No. 8, 2016, pp. 2525-2532, <https://doi.org/10.1007/s10098-016-1215-y>, 2016.
- [39] V. N. Do, J. D. Kinney, Reviewing National ESD Experiences from Vietnam, in *National Journeys towards Education for Sustainable Development 2013: Reviewing National ESD Experiences from Costa Rica, Morocco, South Africa, Sweden, Vietnam*, Paris, France: UNESCO, 2013, pp. 109-134.
- [40] VNIES, Education for Sustainable Development in Vietnam, The Vietnam Institute of Educational Sciences, 2022.